

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/DS-PT  
Ngày 10-2-2025  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất  
và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu  
khai thác cây trồng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Đức Chính

*Các Thẩm phán:* Ông Chu Long Kiêm

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**  
Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 38/2024/TLPT-DS, ngày 28/10/2024, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu khai thác cây trồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị P; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố: Ông Lộc Văn L; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt đến hết phần tranh luận, vắng mặt khi tuyên án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có yêu cầu phản tố: Bà Lương Thị Kim I – Luật sư thuộc văn phòng Luật sư I – Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt đến hết phần tranh luận, vắng mặt khi tuyên án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Triệu Thị M; vắng mặt
2. Ông Hoàng Văn T; vắng mặt
3. Chị Triệu Thị C (Triệu Thị R); vắng mặt
4. Anh Triệu Vĩnh T1; vắng mặt
5. Bà Hoàng Thị A; vắng mặt
6. Anh Lộc Thanh L1; có mặt đến hết phần tranh luận, vắng mặt khi tuyên án.
7. Chị Lô Thị H; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

8. Chị Triệu Thị X; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt
9. Chị Triệu Thị E; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt
10. Chị Triệu Thị O; địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt
11. Chị Triệu Thị D, địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt
12. Anh Lộc Thanh K; địa chỉ: Thôn M, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.
13. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Dương U – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lộc Thanh G (đã chết ngày 05/5/2021): Ông Lộc Văn L, bà Hoàng Thị A, chị Trịnh Thị B, cháu Lộc Văn Y, sinh năm 2008; cháu Lộc Văn Q, sinh năm 2013; Người đại diện theo pháp luật của cháu Lộc Văn Y và cháu Lộc Văn Q: Chị Trịnh Thị B. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; ( Ông Lộc Văn L có mặt đến hết phần tranh luận, vắng mặt khi tuyên án.*

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hoàng Thị P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T, bà Triệu Thị M, chị Triệu Thị C (Triệu Thị R), anh Triệu Vĩnh T1, chị Triệu Thị X, chị Triệu Thị O, chị Triệu Thị D, chị Triệu Thị E: Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn MTV T2; địa chỉ: Số E, ngõ E, đường R, phường O, quận M, thành phố Hà Nội; người đại diện hợp pháp theo Giấy ủy quyền ngày 26-5-2022 của Giám đốc Công ty: Ông Vũ Văn X1 – Giám đốc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2 chi nhánh Bắc Ninh; có mặt đến hết phần tranh luận, vắng mặt khi tuyên án.*

*Người kháng cáo: Ông Lộc Văn L, là bị đơn.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định diện tích đất tranh chấp có địa danh C1, thuộc Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; được thể hiện theo mảnh trích đo khu đất tranh chấp của Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường S1 - Chi nhánh Lạng Sơn xác định, diện tích đất tranh chấp là 207.551 m<sup>2</sup>, trong đó:

- 107.722 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 170 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01, địa chỉ C1, thôn T1 (nay là thôn B), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vị trí cụ thể như sau: Vị trí thửa tạm số 1 có diện tích 4.942m<sup>2</sup>; vị trí thửa tạm số 2 có diện tích là 56.815m<sup>2</sup>; vị trí 3 số thửa tạm có diện tích là 45.965m<sup>2</sup>.

Đất tranh chấp có các cạnh tiếp giáp như sau:

+ Phía Tây giáp với đất của xã A1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

+ Phía Đông giáp khe suối và khu ruộng.

+ Phía Đông Nam giáp thửa 170 mang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Triệu Ký II (hiện nay bà Hoàng Thị P cho anh Triệu Văn Q1 mượn trồng thông).

+ Phía Bắc và Tây Bắc giáp thửa 116 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Triệu Ký II.

- 99.829 m<sup>2</sup> đất thuộc toàn bộ thửa đất số 116 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01, địa chỉ C1, thôn T1 (nay là thôn B), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Đất tranh chấp có các cạnh tiếp giáp như sau:

+ Phía Tây giáp với đất của xã A1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

+ Phía Đông giáp thửa 113 do ông Hoàng Ngọc Q2 (Hoàng Văn Q2) quản lý, sử dụng.

+ Phía Nam giáp thửa 170 mang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Triệu Ký II và thửa 136 (giáp đất ruộng của các hộ Hoàng Văn T3, Triệu Văn T4, Triệu Văn N).

+ Phía Bắc giáp với đất xã A1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

#### **- Về tài sản trên đất tranh chấp:**

+ 46 cây trám, 15 cây hồi, 24 cây lim, 01 cây lát, 01 cây giổi, 36 cây mai, 06 cây xoan trên thửa đất số 170; trồng 02 cây trám trên thửa đất số 116 do ông Lộc Văn L trồng.

+ 9.808 cây thông do ông Lộc Văn L trồng.

+ Các cây gỗ tạp mọc tự nhiên bao gồm: 297 cây sau sau; 9 cây chân chim; 116 cây Khảo cài, mạy tạng, cẳng rào; 01 cây vú sữa; 02 cây Đa.

#### **Về nguồn gốc, quá trình sử dụng:**

- Năm 1995 ông Triệu Ký II được cấp có thẩm quyền giao quản lý, sử dụng phần diện tích đất này. Năm 1999 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đối với thửa 187 và thửa 116. Năm 2008 ông Triệu Ký II cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đó thửa 187 được cấp đổi thành thửa 116 và thửa 116 cấp đổi thành thửa 170 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 tỷ lệ 1/10.000 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- Khoảng năm 2002, ông Lộc Văn L tham gia dự án Việt – Đức và trồng thông trên diện tích đất tranh chấp như hiện nay.

**Ý kiến của phía nguyên đơn:** Ông Triệu Ký II có diện tích đất rừng tại địa danh C1 (thường gọi là S1), thuộc thôn T1 (nay là thôn B), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; sau đó ông Triệu Ký II đã khai phá thêm để được diện tích rừng như hiện nay. Năm 1995, gia đình ông Triệu Ký II được Nhà nước giao đất, giao rừng theo quy định, diện tích được giao khi đó là khoảng 21ha; từ sau khi được cấp đất, gia đình ông Triệu Ký II vẫn thường xuyên quản lý, phát quang rừng cây, tuy nhiên gia đình ông Triệu Ký II chưa tiến hành trồng cây trên diện tích đất này. Năm 2009, gia đình ông Triệu Ký II đã kê khai và được cấp đổi từ sổ bì xanh sang sổ bì đỏ, gia đình ông Triệu Ký II vẫn tiếp tục quản lý diện tích được giao từ đó đến nay.

Khoảng năm 1997, gia đình ông Lộc Văn L từ Quảng Ninh trở về thôn sinh sống. Năm 2002, khi có dự án trồng rừng Việt – Đức, do gia đình ông Lộc Văn L hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thời điểm đó ông Lộc Văn L cũng chỉ được cấp 02 khoảnh rừng diện tích 01ha và 0,4ha; tuy nhiên, đối với khoảnh rừng có diện tích 0,4ha không đủ điều kiện để trồng rừng theo dự án Việt – Đức nên ông Triệu Ký II là ủy nhiệm thôn đã đứng ra cho ông Lộc Văn L mượn khoảng 14ha đất rừng tại khu rừng C1 nêu trên để trồng thông theo dự án Việt – Đức. Thời điểm tiến hành mượn đất có giao hẹn, khi nào kết thúc dự án khai thác cây thông xong thì phải trả lại đất cho gia đình ông Triệu Ký II, khi mượn đất có cán bộ Hạt kiểm lâm huyện V là chị Chu Diệu U1 chứng kiến; trong thôn cũng có nhiều trường hợp tiến hành mượn đất trồng rừng dự án như vậy, sau khi khai thác thông xong các hộ đều trả lại đất cho nhau. Diện tích đất còn lại khoảng 7ha của khu rừng trên gia đình ông Triệu Ký II vẫn đang quản lý, sử dụng và gia đình ông Triệu Ký II cũng đã trồng thông theo dự án Việt – Đức.

Đến khoảng năm 2016 – 2017, khi cây thông đã đến tuổi khai thác thì ông Triệu Ký II có bảo ông Lộc Văn L khai thác số thông để trả đất cho ông Triệu Ký II nhưng ông Lộc Văn L không khai thác. Đến tháng 8 năm 2017 ông Triệu Ký II chết, tháng 9 năm 2019 giữa hai bên gia đình phát sinh tranh chấp. Tháng 3 năm 2020 ông Lộc Văn L đã yêu cầu giải quyết hòa giải tranh chấp đất đai ở xã và nói rằng diện tích đất ở rừng C1 là của ông Lộc Văn L.

Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Lộc Văn L trả lại diện tích đất tranh chấp 107.722 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 170 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 và 99.829 m<sup>2</sup> đất thuộc toàn bộ thửa đất số 116, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009. Yêu cầu ông Lộc Văn L khai thác toàn bộ cây thông đã trồng trên diện tích đất tranh chấp và khai thác các cây trám, lim, xoan đủ điều kiện

khai thác khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; yêu cầu được sở hữu toàn bộ các cây mọc tự nhiên; sở hữu các cây hồi, cây trám, cây lim, cây lát, cây giổi, cây mai chưa đủ điều kiện khai thác và thanh toán giá trị theo kết quả định giá.

**Ý kiến của phía bị đơn:** Năm 1996, ông Lộc Văn L từ Quảng Ninh về thôn sinh sống; khi đó ông Lộc Văn L có lên xã trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn và đề nghị xã cấp thêm đất cho gia đình Lộc Văn L để tăng gia sản xuất. Khoảng tháng 02 năm 1997, trưởng thôn khi đó là ông Lộc Văn M1 gọi ông Lộc Văn L xuống nhà ông Lộc Văn M1 để nhận đất; khi ông Lộc Văn L đến thì thấy có cán bộ kiểm lâm, cán bộ Phòng Phát triển nông nghiệp nông thôn huyện, cán bộ địa chính xã là ông Hoàng Văn K1, ông Triệu Ký II, ông Lộc Văn Q3. Sau đó ông Triệu Ký II, ông Lộc Văn Q3 có viết đơn tự nguyện tặng đất cho ông Lộc Văn L, ông Triệu Ký II có nói là cắt cho Lộc Văn L diện tích đất 14ha, ông Lộc Văn Q3 nói là cắt cho Lộc Văn L diện tích đất 01ha; khi đó giấy tờ đều do ông Triệu Ký II và ông Lộc Văn Q3 tự viết, ông Lộc Văn L không được xem và không được ký xác nhận vào các đơn này. Sau đó cán bộ kiểm lâm, ông Triệu Ký II, ông Lộc Văn Q3, ông Hoàng Văn K1, cán bộ Phòng Phát triển nông nghiệp nông thôn huyện cùng mở bản đồ ra xem và xác định diện tích đất cắt cho ông Lộc Văn L, do bản thân không biết xem bản đồ nên ông Lộc Văn L cũng không tham gia, không xem bản đồ. Sau khi bàn bạc xong thì ông Lộc Văn L đi về, các giấy tờ tự nguyện cắt đất của ông Triệu Ký II và ông Lộc Văn Q3 do ai cất giữ ông Lộc Văn L không biết; ông Lộc Văn L không có giấy tờ gì về việc ông Triệu Ký II, ông Lộc Văn Q3 tặng cho đất ông Lộc Văn L.

Sau đó đến năm 1999, ông Lộc Văn L được nhà nước giao đất, có cấp sổ bìa xanh; ông Lộc Văn L xác định diện tích đất ông Lộc Văn Q3 cho ông Lộc Văn L là thửa 116b tại địa danh P1 có diện tích 01ha; diện tích đất ông Triệu Ký II cho Lộc Văn L là thửa 245b tại địa danh C1 có diện tích 14ha, tuy nhiên trong sổ bìa xanh ghi nhầm là 0,4ha. Ông Lộc Văn L phát hiện việc ghi nhầm này vào năm 2013 cấp đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ; khi đó ông Lộc Văn L bị cấp thiếu lô đất số 245b trong sổ bìa xanh; Ủy ban nhân dân xã có yêu cầu nếu ai có thắc mắc thì nộp đơn lên để xã giải quyết, ông Lộc Văn L có nộp đơn để được xem xét nhưng đến nay chưa ai giải quyết đơn của ông.

Năm 2002, ông Lộc Văn L có được tham gia dự án Việt - Đức; khi đó ông Triệu Ký II là trưởng thôn và là cán bộ dự án Việt - Đức mời ông Lộc Văn L đi nhận đất tại lô đất 245b và có chỉ cụ thể ranh giới khu đất cho ông Lộc Văn L được rõ. Ông Lộc Văn L có nhận của dự án khoảng 13.000 cây thông giống và đã tiến hành trồng toàn bộ trên diện tích khoảng 08ha trong phần đất 14ha được ông Triệu Ký II cắt cho; sau đó hằng năm dự án Việt - Đức vẫn tiếp tục cấp tiền trồng cây cho gia đình ông Lộc Văn L, được khoảng 04 năm thì không thấy cấp phát gì nữa. Hiện nay các cây thông do ông Lộc Văn L trồng đã lớn, đường kính cây đa phần khoảng 25cm, một số hộ gia đình khác đã tiến hành khai thác cây; gia đình ông Lộc Văn L cũng đã khai thác (cạo cây lấy nhựa) đối với một số cây; ngoài ra trên diện tích đất này ông Lộc Văn L có trồng thêm một số cây trám, hồi, lim,...

Ông Lộc Văn L xác định ông cùng vợ là bà Hoàng Thị A, ba người con trai là Lộc Thanh L1, Lộc Thanh G, Lộc Thanh K và con dâu cả là chị Lô Thị H đã trực tiếp tiến hành trồng số cây trên diện tích đất tranh chấp.

Ông Lộc Văn L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố, yêu cầu giải quyết cho gia đình ông được quản lý, sử dụng 107.722 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 170 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T và 99.829 m<sup>2</sup> thuộc toàn bộ thửa đất số 116 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T và được quyền sở hữu toàn bộ các cây trồng trên đất.

**Ý kiến của UBND huyện V:** Căn cứ hồ sơ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vị trí đất tranh chấp nằm trên 02 thửa đất, cụ thể:

Diện tích đất thứ nhất: Thuộc một phần diện tích thửa đất số 170, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 107.722 m<sup>2</sup>. Phần diện tích đất tranh chấp này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Triệu Ký II.

Diện tích đất thứ hai: Thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 99.829m<sup>2</sup>. Phần diện tích đất tranh chấp này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Triệu Ký II.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Triệu Ký II và bị đơn yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn mà Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho hộ ông Triệu Ký II; hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 116 đã cấp cho hộ gia đình ông Triệu Ký II quan điểm Ủy ban nhân dân huyện V như sau: Việc Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 19/11/1999 và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22-12-2009 cho hộ gia đình ông Triệu Ký II là thực hiện đúng quy trình, thủ tục đất đai quy định như Luật đất đai năm 1993, năm 2003, Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ. Việc cấp đổi lại diện tích không cần thực hiện việc xác định lại hiện trạng sử dụng đất. Vì vậy, ông Lộc Văn L yêu cầu hủy một phần và toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông Triệu Ký II là không có cơ sở.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị P, cụ thể:
  - 1.1. Hộ gia đình bà Hoàng Thị P được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và quản lý các tài sản trên đất như sau:
    - 1.1.1. Được quyền quản lý, sử dụng diện tích 207.551 m<sup>2</sup> đất, trong đó:

- Diện tích 107.722m<sup>2</sup> đất tại C1, thôn B (trước đây là thôn T1), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009; đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22-12-2009 cho hộ ông Triệu Ký II; ký hiệu BE 575813, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00891.

*(Diện tích 107.722 m<sup>2</sup> đất nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A7,A8,A9,A10,A11,A12,A13 và kích thước các cạnh thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, gồm diện tích đất thuộc các thửa tạm 170.1, 170.2 và 170.3).*

- Diện tích 99.829m<sup>2</sup> đất tại C1, thôn B (trước đây là thôn T1), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009; đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22-12-2009 cho hộ ông Triệu Ký II; ký hiệu BE 575873, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00888.

*(Diện tích 99.829m<sup>2</sup> đất nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,A13,A14 và kích thước các cạnh thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, gồm diện tích đất thuộc các thửa tạm 116.1 và 116.2).*

1.1.2. Được quyền quản lý toàn bộ các cây mọc tự nhiên gồm: 297 cây sau sau, 09 cây chân chim, 116 cây khảo cải, mạy tạng, cẳng rào, 01 cây vú sữa, 02 cây Đa và các cây mọc tự nhiên khác trên diện tích đất nêu trên.

1.2. Bà Hoàng Thị P được quyền sở hữu tài sản gồm có: 46 cây trám, 15 cây hồi, 24 cây lim, 01 cây lát, 01 cây giổi, 36 cây mai 06 cây xoan, được trồng trên diện tích 4.942m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 170 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009 *(diện tích 4.942m<sup>2</sup> được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A15,A16,A20 và kích thước các cạnh thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, diện tích đất thuộc thửa tạm 170.1)* và 02 cây trám được trồng trên thửa đất số 116 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009 *(Thửa đất số 116 nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,A13,A14 và kích thước các cạnh thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án).*

Bà Hoàng Thị P có nghĩa vụ thanh toán giá trị cây trồng cho hộ ông Lộc Văn L với tổng số tiền là 21.411.000 đồng.

1.3. Buộc hộ ông Lộc Văn L phải khai thác toàn bộ cây thông được trồng trên diện tích đất 56.815m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009 *(diện tích 56.815m<sup>2</sup> được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm*

*A10,A19,A18,A17,A16,A20,A15,A12,A11 và kích thước các cạnh thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, diện tích đất thuộc thửa tạm 170.2) và toàn bộ các cây thông được trồng trên diện tích 3360m<sup>2</sup> thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009 (diện tích 3360m<sup>2</sup> được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A3,A4,A21 và kích thước các cạnh thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, diện tích đất thuộc thửa tạm 116.2). Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và sự thống nhất của các đương sự tại phiên tòa gồm có tổng số 9.808 cây thông.*

Thời hạn khai thác là 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, để trả lại toàn bộ diện tích đất nêu tại mục 1.1.1 cho hộ gia đình bà Hoàng Thị P.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lộc Văn L.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Lộc Văn L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có yêu cầu phản tố ông Lộc Văn L trình bày: Ông Lộc Văn L giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 116 và 170 đã cấp cho hộ ông Triệu Ký II do quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng đối tượng, không xem xét đến quá trình quản lý sử dụng đất của ông Lộc Văn L. Phía nguyên đơn cho rằng Lộc Văn L mượn đất của ông Triệu Ký II để trồng rừng theo dự án rừng Việt Đức, ông Lộc Văn L chỉ trồng 0,8ha theo dự án này, ngoài lời trình bày không đúng này nguyên đơn cũng không có tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh việc ông Triệu Ký II cho ông Lộc Văn L mượn đất. Phía nguyên đơn không có văn bản cho mượn đất, không có quá trình quản lý sử dụng đất mà Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, không đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ. Luật đất đai các năm 1993, 2003, 2013 đều có những quy định riêng về việc không có quá trình quản lý sử dụng đất rừng nhất định sẽ bị Nhà nước thu hồi, sở dĩ khu đất này chưa bị thu hồi vì đã có sự trao đổi đất trong dân. Năm 1998, ông Triệu Ký II đã cho ông Lộc Văn L đất và ông Lộc Văn L trồng cây, quản lý sử dụng đất từ đó đến nay vì vậy việc ông Lộc Văn L khai được ông Triệu Ký II cho đất là phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của bà Trần Thị C1 là cán bộ kiểm lâm, ông Lộc Văn M1 trưởng thôn T1. Từ những lý do trên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, chuyển hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết theo thẩm quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị P trình bày: Phía nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn. Ông Triệu Ký II chỉ cho ông Lộc Văn L mượn đất để thực hiện dự án rừng Việt Đức, khi thực hiện xong dự án thì ông Lộc Văn L phải khai thác cây và trả lại đất cho ông Triệu Ký II, hiện nay ông Triệu Ký II đã chết, theo quy định của Luật đất đai 2024, hàng thừa kế thứ nhất của ông Triệu Ký II gồm bà Hoàng Thị P, anh Hoàng Văn T, chị Triệu Thị M, chị Triệu Thị O, chị Triệu Thị D, chị Triệu Thị E, chị Triệu Thị X, anh Triệu Vĩnh T1, chị Triệu Thị C thống nhất giao phần diện tích đất này cho bà Hoàng Thị P. Đối với các cây ông Lộc Văn L trồng đã đến hạn khai thác, phía nguyên đơn thống nhất giữ nguyên thời hạn khai thác cây là 2 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Các cây trồng chưa đến kỳ khai thác, bà Hoàng Thị P đại diện hàng thừa kế thứ nhất của ông Triệu Ký II sẽ chăm sóc tiếp và thanh toán giá trị theo giá của Hội đồng định giá cho ông Lộc Văn L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng họ đều đã có đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của họ không làm thay đổi nội dung vụ án.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lộc Văn L, do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Lộc Văn L.

**Án phí phúc thẩm:** Ông Lộc Văn L phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận, tuy nhiên ông L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngoài ra bản án sơ thẩm có một số vi phạm, cụ thể như sau:

- Tại mục 1 phần quyết định Bản án sơ thẩm tuyên “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: *Hộ gia đình* bà Hoàng Thị P gồm bà Hoàng Thị P, bà Triệu Thị M, bà Triệu Thị E, bà Triệu Thị D, bà Triệu Thị O, ông Hoàng Văn T, chị Triệu C (R), chị Triệu Thị X, anh Triệu Vĩnh T1 được quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp”. Tuy nhiên, theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình nguyên đơn, gồm bà Hoàng Thị P và các con là chị Triệu Thị M, chị Triệu Thị E, chị Triệu Thị D, chị Triệu Thị O được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp, công nhận quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp cho gia đình

nguyên đơn và giải quyết các cây trồng trên đất, nên bản án sơ thẩm tuyên cho hộ gia đình bà P được quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là gây khó khăn cho công tác thi hành án. Mặt khác, theo quy định của Điều 4 Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024, hộ gia đình không còn là đối tượng sử dụng đất.

- Đất tranh thuộc thửa 170 khi trồng thông theo dự án gia đình ông L tham gia trồng gồm ông L, bà A, anh L1, anh G, anh K, chị H, nhưng tại mục [1.3] bản án sơ thẩm buộc *hộ ông Lộc Văn L* (gồm ông Lộc Văn L, bà Hoàng Thị A, chị Lô Thị H, chị Trịnh Thị B, cháu Lộc Văn Y và cháu Lộc Văn Q do chị Trịnh Thị B là người đại diện) phải khai thác toàn bộ cây thông được trồng trên diện tích đất 56.815m<sup>2</sup> thuộc thửa 170 là không chính xác; đối với thửa 116 cũng tuyên *hộ ông Lộc Văn L* (gồm ông Lộc Văn L, bà Hoàng Thị A, chị Lô Thị H, chị Trịnh Thị B, cháu Lộc Văn Y và cháu Lộc Văn Q do chị Trịnh Thị B là người đại diện phải khai thác cây là không chính xác, cây trên đất do vợ chồng chị Hạnh trồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử bác kháng cáo của bị đơn ông Lộc Văn L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 02/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo hướng phân tích nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần 2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ có người có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, có người không có ý kiến giải quyết vắng mặt, tuy nhiên họ đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ. Do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết theo thẩm quyền, thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Đất tranh chấp hộ ông Triệu Ký II được nhà nước giao đất năm 1995, đến ngày 19/11/1999 được cấp GCNQSD đất; theo GCNQSD đất năm 1999 cấp cho hộ ông Triệu Ký II trong đó có thửa 187 diện tích 18.700 m<sup>2</sup>, thửa 161 có diện tích 13.500m<sup>2</sup>. Năm 2008 ông Triệu Ký II xin cấp đổi GCNQSD đất, theo hồ sơ cấp đổi, thửa 187 tách thành thửa 116 diện tích 99.829m<sup>2</sup>; thửa 161 được cấp đổi thành thửa 170 diện tích 210.774 m<sup>2</sup>. Trong quá trình quản lý sử dụng diện tích đất nguyên đơn trình bày chồng bà là ông Triệu Ký II đã cho ông Lộc Văn L mượn đất để trồng thông theo dự án Việt - Đức, khi cho mượn không làm giấy tờ gì. Bản thân ông Lộc Văn L cũng thừa nhận diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Triệu Ký II. Năm 2009 ông Triệu Ký II vẫn đăng ký thực hiện việc kê khai cấp đổi diện tích đất đang tranh chấp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thời điểm cấp giấy không xảy ra tranh chấp, tại Văn bản số 356/UBND-TNMT

ngày 05-02-2021 của UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn và bản tự khai của người đại diện UBND huyện có ý kiến việc cấp đổi giấy chứng nhận thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Đất đai năm 1993 và năm 2003.

[2.2] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp là 10.7722m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 170 và toàn bộ diện tích 9.9829 m<sup>2</sup> của thửa đất số 116, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009. Trên có sổ kết quả Kết luận giám định tư pháp xác định vị trí thửa đất số 187 trên bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp năm 1999 trùng với vị trí 02 thửa đất là số 116, 170 (là 02 thửa đất đang tranh chấp) trên tờ số 01 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; đứng tên chủ quản lý, sử dụng là của hộ ông Triệu Ký II.

[2.3] Theo Công văn số 30/CV-KL ngày 09/3/2021 của Hạt kiểm lâm huyện V, tỉnh Lạng Sơn: Trường hợp hộ gia đình có nhiều lao động dôi dư mà không có đất lâm nghiệp để tham gia dự án thì hộ gia đình tự thương lượng mượn đất của nhau để tham gia dự án. Dự án chấp nhận mở sổ cho các hộ mượn đất với điều kiện không chuyển tên bì xanh, bì đỏ, không tranh chấp, sau khi khai thác cây phải trả lại đất cho chủ đất. Thẩm quyền của dự án trồng rừng Việt – Đức chỉ xác nhận tài sản là rừng trồng mà dự án đã hỗ trợ đầu tư thuộc tài sản của hộ gia đình. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc cơ quan có thẩm quyền khác. Diện tích đất chắn chắn của dự án là diện tích đất quy hoạch vùng chắn thả tạm thời của thôn, sau 03 năm cây lớn, khả năng phá hoại của gia súc không làm ảnh hưởng đến rừng trồng thì diện tích đất này sẽ được trả lại cho chủ đất, được quản lý theo đúng sổ hồ sơ giao đất lâm nghiệp hoặc GCNQSDĐ đã được Nhà nước công nhận.

[2.4] Ông Lộc Văn L cho rằng từ năm 1998 ông Triệu Ký II đã cho ông diện tích đất tranh chấp, nhưng việc tặng cho không có tài liệu thể hiện; tại Biên bản xác định ranh giới chủ sử dụng đất lâm nghiệp thôn T1 ngày 01-9-1999 ghi số diện tích đang quản lý của ông Lộc Văn L là 6,4ha có ghi chú “làm mới có biên bản chia cho” nhưng không ghi số thửa và địa danh; đồng thời tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lâm nghiệp đề ngày 01-9-1999 của ông Lộc Văn L có ghi như sau: Số lô khoảnh 245b khu rừng S, diện tích (m<sup>2</sup>): 0,4; lô khoảnh 116b, khu rừng T1, diện tích (m<sup>2</sup>): 1,0. Riêng lô khoảnh 187b; khu rừng O1, Y1, diện tích (m<sup>2</sup>): 5,0 sau đó đã gạch đi. Và trong danh sách các chủ sử dụng đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Lộc Văn L chỉ được cấp 02 thửa đất là 245b và 116b với tổng diện tích là 1,4ha; điều này cũng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Lộc Văn L đã được cấp ngày 19/11/1999. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm lần 3 ông Lộc Văn L cho rằng bụi cây mai (thuộc họ tre) ông đã trồng từ năm 1998 nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận mà cho rằng cây mai được trồng sau năm 2002, điều này cũng phù hợp với lời khai của các đương sự trong các lần xét xử trước, từ năm 2002 vợ chồng ông và các con đã trồng thông và các cây khác trên đất. Trong quá trình canh tác, khi

ông Triệu Ký II còn sống, ông Lộc Văn L không đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp.

[2.5] Đối với thửa đất 170, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp hoàn thành năm 2009: Theo sổ hộ gia đình tham gia trồng rừng dự án Việt - Đức của hộ ông Lộc Văn L, hộ gia đình ông Lộc Văn G, hộ gia đình ông Lộc Thanh L1, hộ gia đình bà Lô Thị H, hộ gia đình bà Hoàng Thị A, hộ gia đình ông Lộc Văn M1 xác định diện tích của các hộ tham gia trồng rừng dự án Việt - Đức là đất đã được cấp GCNQSDĐ. Đồng thời, theo sổ hộ gia đình tham gia trồng rừng thì thời gian tham gia dự án là 08 năm, thời gian thực hiện dự án tính từ năm 2002. Như vậy, xác định năm 2002 gia đình ông Lộc Văn L thực hiện dự án Việt - Đức trồng cây thông, tràm là trồng trên đất của hộ ông Triệu Ký II đã được cấp GCNQSDĐ. Do đó việc nguyên đơn bà Hoàng Thị P trình bày về việc chồng bà cho ông Lộc Văn L mượn đất để thực hiện Dự án là có cơ sở, phù hợp với sổ hộ gia đình tham gia dự án.

[2.6] Điều này cũng phù hợp với lời khai của ông Triệu Văn Q1 là bản thân ông Q1 cũng được mượn đất của ông Triệu Ký II tại thửa đất số 170; phù hợp với lời khai của Trần Thị C1 (cán bộ Hạt kiểm lâm V) là “... khi đó tôi biết việc ông L có lên xin đất, về sau tôi có được tham gia họp tại nhà ông M1,..... khi đó tôi có được biết ông Q3 cắt đất cho ông L, còn ông II thì lừng chừng, chưa quyết, tôi cũng không thấy ông II viết giấy tặng cho gì...” ; phù hợp với lời khai của bà Chu Diệu U1 (cán bộ Hạt kiểm lâm Văn Lãng) là “.. tôi khẳng định có việc ông Lộc Văn L mượn đất của ông Triệu Ký II là 14ha để trồng rừng tham gia Dự án Việt Đức nhưng không viết giấy tờ. Tôi có nói với ông L sau khi mượn đất của ông II trồng và khai thác cây thông xong thì phải trả lại đất cho ông II theo sổ bì xanh...”.

[2.7] Đối với thửa đất 116, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp hoàn thành năm 2009: là diện tích đất quy hoạch vùng chẵn thả tạm thời của thôn, từ trước đến nay, gia đình ông Lộc Văn L không hề được Nhà nước giao đất, không đứng tên trên sổ sách địa chính, bản đồ liên quan đối với thửa đất 116 này. Thửa đất này, hộ ông Triệu Ký II đã được nhà nước giao đất năm 1995, đến ngày 19/11/1999 được cấp GCNQSD đất; theo GCNQSD đất năm 1999 cấp cho hộ ông Triệu Ký II trong đó có thửa 187 diện tích 18.700 m<sup>2</sup>, năm 2008 ông Triệu Ký II xin cấp đổi GCNQSD đất, theo kết luận giám định tư pháp, thửa 187 trên bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp năm 1999 tách thành thửa 116 diện tích 99.829m<sup>2</sup> và thửa 170 diện tích 210.774 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009.

[2.8] Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 170 và thửa đất số 116 cho hộ gia đình ông Triệu Ký II, xét thấy: Khi Nhà nước có chủ trương cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình đang quản lý, sử dụng đất gia đình ông Triệu Ký II đã kê khai và được Nhà nước cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này, quá trình gia đình ông Triệu Ký II kê khai và cấp GCNQSDĐ có các hộ gia đình xung quanh ký giáp ranh. Về đơn kê khai cấp đổi giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất ông Triệu Ký II có ghi thông tin thửa đất đã cấp có số thửa là 161, thông tin thửa đất theo bản đồ địa chính mới là 170, theo kết quả trích đo khu đất tranh chấp, số hóa chồng ghép bản đồ cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp thì thông tin thửa đất cũ là 187 không phải là 161, đối với việc kê khai nhầm tên thửa đất đây là những thiếu sót về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là căn cứ để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho hộ gia đình ông Triệu Ký II vì, dù nhầm lẫn số thửa 187 hay 161 thì về đối tượng nguồn gốc đất được Nhà nước giao, sổ mục kê đều thể hiện ông Triệu Ký II là người quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp; khi thực hiện cấp đổi không xảy ra tranh chấp, cũng không có thửa đất nào đứng tên bị đơn. Bị đơn cũng cho rằng diện tích đất này được ông Triệu Ký II cho, bản thân ông Lộc Văn L cũng không thực hiện việc kê khai cấp GCNQSDĐ và sau khi được cấp GCNQSDĐ vẫn không xảy ra tranh chấp, đến năm 2019 mới xảy ra tranh chấp với ông Lộc Văn L, ngoài ra không xảy ra tranh chấp với ai. Lúc đầu, ông Lộc Văn L cũng xác nhận ông Triệu Ký II cho đất là thửa đất 245b có diện tích là khoảng 14ha. Trên cơ sở Kết luận giám định tư pháp xác định vị trí thửa đất số 187 trên bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trùng với vị trí 02 thửa đất là số 116 và số 170 (02 thửa đất đang tranh chấp) trên tờ số 01 bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000 xã T; đứng tên chủ quản lý, sử dụng là của hộ ông Triệu Ký II; không trùng với các thửa đất mà hiện nay ông Lộc Văn L đang quản lý, sử dụng. Do vậy, không có căn cứ huỷ GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Triệu Ký II đối với 02 thửa đất 170 và 116 nêu trên.

[3] Từ những phân tích tại mục [2] nêu trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng diện tích 207.551m<sup>2</sup> đất, thuộc một phần thửa đất số 170 và thửa đất 116, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009; đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22-12-2009 cho hộ ông Triệu Ký II là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Triệu Ký II trình bày: Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Triệu Ký II gồm bà Hoàng Thị P, anh Hoàng Văn T, chị Triệu Thị M, chị Triệu Thị O, chị Triệu Thị D, chị Triệu Thị E, chị Triệu Thị X, anh Triệu Vĩnh T1, chị Triệu Thị C thống nhất giao phần diện tích đất này cho bà Hoàng Thị P quản lý, sử dụng. Đối với các cây ông Lộc Văn L trồng đã đến hạn khai thác, phía nguyên đơn thống nhất giữ nguyên thời hạn khai thác cây là 2 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Các cây trồng chưa đến kỳ khai thác, bà Hoàng Thị P đại diện hàng thừa kế thứ nhất của ông Triệu Ký II sẽ chăm sóc tiếp và thanh toán giá trị theo giá của Hội đồng định giá cho ông Lộc Văn L. Căn cứ vào ý kiến nêu trên và để thuận tiện

cho công tác thi hành án cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng sẽ quyết định cho bà Hoàng Thị P được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và bà Hoàng Thị P sẽ là người đại diện thanh toán giá trị cây cho phía bị đơn.

[5] Đối với việc Bản án sơ thẩm tuyên buộc hộ ông Lộc Văn L (gồm ông Lộc Văn L, anh Lộc Thanh L1, anh Lộc Thanh K, bà Hoàng Thị A, chị Lô Thị H, chị Trịnh Thị B, cháu Lộc Văn Y và cháu Lộc Văn Q do chị Trịnh Thị B là người đại diện) phải khai thác toàn bộ cây thông được trồng trên diện tích đất là chưa chính xác, cần sửa lại cho phù hợp. Bởi lẽ, các cháu Lộc Văn Y và cháu Lộc Văn Q là người chưa thành niên, việc buộc cả các cháu phải khai thác cây thông là không đảm bảo. Đồng thời, đối với các cây thông được trồng trên diện tích 3.360m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 116 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009 chỉ do vợ chồng anh Lộc Thanh L1 và chị Lô Thị H trồng nên Toà án cấp sơ thẩm buộc tất cả các thành viên trong gia đình ông Lộc Văn L phải khai thác là không phù hợp.

[6] Do đó, mặc dù không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, nhưng cần khắc phục thiếu sót quyết định của bản án sơ thẩm theo nhận định tại mục [4], [5] nêu trên.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lộc Văn L; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể:

Căn cứ vào các điều 1, 3, 20, 24, 36, 73 của Luật Đất đai năm 1993 (sửa đổi bổ sung năm 1998, 2001); các điều 49, 50, 52, 105 của Luật đất đai năm 2003; khoản 16 Điều 3, các điều 4, 5, 26, 97, 100, 106, 129, 135, 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013 (sửa đổi bổ sung năm 2018);

Căn cứ các Điều 26 và Điều 31 của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ vào các điều 494, 495, 496, 497, 498, 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 16, 58, 59, 73, 74, 82, 84 của Luật Lâm nghiệp năm 2017.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157; Điều 158, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 1

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị P, cụ thể:

1.1. Bà Hoàng Thị P được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và quản lý các tài sản trên đất như sau:

1.1.1. Được quyền quản lý, sử dụng diện tích 207.551m<sup>2</sup> đất, trong đó:

- Diện tích 107.722m<sup>2</sup> đất tại C1, thôn B (trước đây là thôn T1), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009; đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22-12-2009 cho hộ ông Triệu Ký II; ký hiệu BE575813, số vào sổ cấp GCN: CH00891.

*(Diện tích 107.722m<sup>2</sup> đất nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A7,A8,A9,A10,A11,A12,A13 và kích thước các cạnh thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, gồm diện tích đất thuộc các thửa tạm 170.1, 170.2 và 170.3).*

- Diện tích 99.829m<sup>2</sup> đất tại C1, thôn B (trước đây là thôn T1), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc thửa đất số 116 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009; đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22-12-2009 cho hộ ông Triệu Ký II; ký hiệu BE575796, số vào sổ cấp GCN: CH00888.

*(Diện tích 99.829m<sup>2</sup> đất nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,A13,A14 và kích thước các cạnh thể hiện thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, gồm diện tích đất thuộc các thửa tạm 116.1. và 116.2).*

1.1.2. Được quyền quản lý toàn bộ các cây mọc tự nhiên gồm: 297 cây sau sau, 09 cây chân chim; 116 cây kháo cài, mạy tảng, cẳng rào; 01 cây vú sữa; 01 cây đa và các cây mọc tự nhiên khác trên diện tích đất nêu tại mục 1.1.1.

1.2. Bà Hoàng Thị P được quyền sở hữu tài sản gồm có: 46 cây trám, 15 cây hời, 24 cây lim, 01 cây lát, 01 cây giổi, 36 cây mai, 06 cây xoan, được trồng trên diện tích 4.942m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 170 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009 *(diện tích 4.942m<sup>2</sup> được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A15,A16,A20 và kích thước các cạnh thể hiện thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, diện tích đất thuộc thửa tạm 170.1)* và 02 cây trám được trồng trên thửa đất số 116 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009 *(Thửa đất số 116 nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,A13,A14 và kích thước các cạnh thể hiện thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo*

*Bản án).*

Bà Hoàng Thị P có nghĩa vụ thanh toán giá trị cây trồng cho gia đình ông Lộc Văn L (gồm ông Lộc Văn L, anh Lộc Thanh L1, anh Lộc Thanh K, bà Hoàng Thị A, chị Lô Thị H, chị Trịnh Thị B, cháu Lộc Văn Y và cháu Lộc Văn Q do chị Trịnh Thị B là người đại diện) với tổng số tiền là 21.411.000 (hai mươi một triệu bốn trăm mười một nghìn) đồng.

1.3. Buộc ông Lộc Văn L, anh Lộc Thanh L1, anh Lộc Thanh K, bà Hoàng Thị A, chị Lô Thị H, chị Trịnh Thị B phải khai thác toàn bộ cây thông được trồng trên diện tích đất 56.815m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 170, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009 (*diện tích đất 56.815m<sup>2</sup> được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A10,A19,A18,A17,A16,A20,A15,A12,A11 và kích thước các cạnh thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, diện tích đất thuộc thửa tạm 170.2.*)

1.4. Buộc anh Lộc Thanh L1 và chị Lô Thị H phải khai thác toàn bộ các cây thông được trồng trên diện tích 3.360m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 116 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009 (*diện tích 3.360m<sup>2</sup> được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A3,A4,A21 và kích thước các cạnh thể hiện thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, gồm diện tích đất thuộc thửa tạm số 116.2.*)

Thời hạn khai thác theo mục 1.3 và 1.4 nêu trên là 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, để trả lại toàn bộ diện tích đất nêu tại mục 1.1.1 cho bà Hoàng Thị P.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lộc Văn L, yêu cầu giải quyết cho gia đình ông được quản lý, sử dụng diện tích 107.722m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 170 và diện tích 99.829m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, tỉ lệ 1/10.000, hoàn thành năm 2009, đều có địa danh tại C1, Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ các cây tự nhiên trên đất.

*(Diện tích 107.722m<sup>2</sup> đất nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A7,A8,A9,A10,A11,A12,A13 và kích thước các cạnh thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, gồm diện tích đất thuộc các thửa tạm số 170.1, 170.2 và 170.3).*

*(Diện tích 99.829m<sup>2</sup> đất nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1,A2,A3,A4,A5,A6,A7,A13,A14 và kích thước các cạnh thể hiện thể hiện tại phụ lục lập ngày 02/8/2024 kèm theo Bản án, gồm diện tích đất thuộc các thửa tạm số 116.1. và 116.2).*

3. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng:

3.1. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lộc Văn L phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 39.430.000 (ba mươi chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng. Do bà

Hoàng Thị P đã tạm ứng trước nên ông Lộc Văn L phải có trách nhiệm nộp số tiền 39.430.000 (ba mươi chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng để hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị P.

3.2. Về chi phí giám định: Ông Lộc Văn L phải chịu số tiền chi phí giám định là 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Xác nhận ông Lộc Văn L đã nộp đủ số tiền chi phí giám định là 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

#### 4. Về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị P, ông Lộc Văn L được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm: Ông Lộc Văn L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. V, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- .....
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phùng Đức Chính**